

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-10-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Siu Thun Phrào.

Bà Nguyễn Thanh Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Rmah H, sinh năm 1995.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Chị R H'nhân có mặt. Anh Bùi Văn D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị R H'Nhân trình bày yêu cầu, phạm vi khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn D sau quá trình tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý đã tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2013 ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc cho đến đầu năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường

xuên xảy ra xích mích, cãi vã. Từ thời gian đó đến nay, chị và anh Bùi Văn D ly thân, mỗi người sống một nơi. Sau Tết nguyên đán năm 2024 thì anh D bỏ về quê, sau đó chị nghe mẹ anh D nói là anh D đi làm thuê trong Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại anh chị không còn sống chung với nhau. Trước khi có ý định làm đơn ly hôn và khi đã nộp đơn, chị đã nhiều lần thông báo, liên hệ yêu cầu anh D về để giải quyết việc ly hôn, nuôi con nhưng anh D không hợp tác, cố tình giấu địa chỉ nơi ở, gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết vụ án. Nay chị cảm thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị và anh D đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, chị không còn tình cảm yêu thương, không thể tiếp tục sống chung với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về nuôi con: Chị và anh Bùi Văn D có 02 con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 10/01/2014 và Bùi Thị Trúc L, sinh ngày 16/12/2019. Hiện tại các con đều ở với chị, được chị nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo về mọi mặt và đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con.

Về cấp dưỡng: Chị có công việc và thu nhập ổn định, trung bình mỗi tháng 8.000.000 đồng nên có thể tự mình nuôi con. Mặt khác, anh D là một người cha vô trách nhiệm, chưa bao giờ gửi tiền để chị nuôi con nên chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này. Sau này nếu yêu cầu anh D cấp dưỡng thì chị sẽ làm khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn D: Anh Bùi Văn D vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến, yêu cầu và không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Chị Rmah H giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện. Anh Bùi Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Rmah H. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị R H'Nhân được ly hôn anh Bùi Văn D. Về nuôi con và cấp dưỡng: Giao các con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 10/01/2014 và Bùi Thị Trúc L, sinh ngày 16/12/2019 cho chị R H'Nhân trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh Bùi Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị R H'Nhân không yêu cầu. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị R H'Nhân là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024, chị R H'Nhân yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Bùi Văn D. Kèm theo đơn khởi kiện, chị R H'Nhân giao nộp cho Tòa án Phiếu xác nhận thông tin cư trú thể hiện anh Bùi Văn D cư trú tại thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị R H'Nhân là đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã xác minh việc cư trú của anh Bùi Văn D tại địa phương. Theo kết quả xác minh tại Ban N thì anh Bùi Văn D có đăng ký cư trú tại thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai nhưng hiện tại không có mặt tại địa phương. Anh D đi làm ở khu vực Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh từ sau Tết nhưng cụ thể ở đâu thì B Nhân dân thôn không nắm được vì anh D không cung cấp thông tin này cho gia đình và B Nhân dân thôn. Do đó, Ban Nhân dân thôn không nắm được nơi cư trú mới và thời điểm anh D quay về. Ở thôn P, ngoài vợ, con thì anh D không có người thân thích nào khác cùng cư trú vì anh D là người ở nơi khác chuyển đến thôn P sinh sống, làm ăn. Quá trình giải quyết vụ án, chị R H'Nhân cung cấp địa chỉ cư trú mới của anh Bùi Văn D là Số nhà B Đường H, Tổ B, Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh đã gửi văn bản đến Công an phường H và ủy thác để Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh việc cư trú của anh Bùi Văn D tại địa chỉ này nhưng Tòa án nhân dân Quận 12 không thực hiện ủy thác còn Công an phường H trả lời anh Bùi Văn D không cư trú tại địa chỉ do chị Rmah H cung cấp. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 179 và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh niêm yết công khai các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho anh Bùi Văn D để tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Anh Bùi Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Bùi Văn D.

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Rmah H và anh Bùi Văn D: Chị Rmah H và anh Bùi Văn D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2013 ngày 24/9/2013 của UBND xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Quan hệ hôn nhân của anh chị đảm bảo về điều kiện kết hôn, được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên hợp pháp.

[5] Về mâu thuẫn hôn nhân: Theo lời trình bày của chị R H'Nhân thì sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc cho đến đầu năm 2023 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã. Từ thời gian đó đến nay, chị và anh Bùi Văn D ly thân, mỗi người sống một nơi. Đến nay chị cảm thấy mâu thuẫn với anh D đã thật sự trầm trọng, không còn tình cảm thương yêu, không thể tiếp tục chung sống với anh D nên yêu cầu Tòa án giải

quyết cho chị được ly hôn với anh D. Trước và sau khi nộp đơn, chị H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh D về để giải quyết việc ly hôn nhưng anh D không hợp tác, cố tình giấu địa chỉ nơi ở và gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh D tham gia các phiên hòa giải nhưng anh D cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

[6] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...*” và “*...có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Rmah H và anh Bùi Văn D như chị H trình bày là có thật, phù hợp với kết quả xác minh tại Ban N nơi anh chị cư trú. Anh D cố tình vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, thể hiện thái độ bỏ mặc quan hệ hôn nhân, không có ý thức hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của chị R H’Nhân và anh Bùi Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Rmah H, xử cho chị R H’Nhân được ly hôn anh Bùi Văn D.

[7] Về nuôi con: Chị R H’Nhân yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 10/01/2014 và Bùi Thị Trúc L, sinh ngày 16/12/2019. Hiện nay các cháu M và L đang ở với chị R H’Nhân và được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo về mọi mặt; cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn D không có ý kiến phản đối yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị R H’Nhân. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị R H’Nhân, giao cho chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là Bùi Thị Trà M và Bùi Thị Trúc L sau khi ly hôn.

[8] Về cấp dưỡng: Chị Rmah H đã được Hội đồng xét xử giải thích về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ liên quan đến việc cấp dưỡng nuôi con nhưng chị H không yêu cầu anh Bùi Văn D phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là quyền tự định đoạt của chị R H’Nhân nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[9] Về tài sản và nợ chung: Chị R H’Nhân và anh Bùi Văn D đều không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vấn đề này.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị R H’Nhân là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, 192, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Rmah H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị R H'Nhân được ly hôn anh Bùi Văn D.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng: Giao các con chung của chị R H'Nhân và anh Bùi Văn D là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 10/01/2014 và Bùi Thị Trúc L, sinh ngày 16/12/2019 cho chị R H'Nhân trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể ngày 24/10/2024 cho đến khi thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Bùi Văn D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị R H'Nhân chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005955 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai. Chị Rmah H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Chị Rmah H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- UBND xã Chư Don;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tiến Sỹ